

Chương XI. ĐỊA LÍ CÔNG NGHIỆP

Bài 44

VAI TRÒ VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG NGHIỆP. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần :

1. Về kiến thức

- Trình bày được vai trò và đặc điểm của sản xuất công nghiệp.
- Hiểu được ảnh hưởng của các nhân tố tự nhiên và kinh tế – xã hội tới sự phát triển và phân bố công nghiệp.

2. Về kĩ năng

Biết phân tích và nhận xét những đặc điểm phát triển, sơ đồ về ảnh hưởng của các điều kiện tự nhiên và kinh tế – xã hội đối với sự phát triển và phân bố công nghiệp.

3. Về thái độ, hành vi

HS nhận thức được công nghiệp nước ta chưa phát triển mạnh, trình độ khoa học và công nghệ còn thua kém nhiều các nước trên thế giới và khu vực, đòi hỏi sự cố gắng của thế hệ trẻ.

II – THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Bản đồ Địa lí công nghiệp thế giới.
- Một số tranh ảnh về hoạt động công nghiệp, về tiến bộ khoa học – kĩ thuật trong công nghiệp.
- Sơ đồ hệ thống hoá kiến thức.

III – MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Những kiến thức trọng tâm

– Vai trò chủ đạo của ngành công nghiệp : cung cấp tư liệu sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật cho tất cả các ngành kinh tế và cho nhu cầu của đời sống con người.

– Đặc điểm chủ yếu của sản xuất công nghiệp là gồm hai giai đoạn khác nhau, tập trung cao độ trên một phạm vi không gian nhất định, có sự kết hợp chặt chẽ của nhiều ngành để tạo ra thành phẩm.

– Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên là cơ sở quan trọng, các nhân tố kinh tế – xã hội có ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển và phân bố công nghiệp.

1.1. Vai trò và đặc điểm của công nghiệp

a) Vai trò

– GV nhấn mạnh vai trò chủ đạo của công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân, nâng cao thu nhập và trình độ văn minh cho toàn xã hội bằng cách đưa ra các ví dụ cụ thể.

+ Tạo ra khối lượng sản phẩm rất lớn cho xã hội. Tất cả các thiết bị máy móc trong các ngành kinh tế (nông nghiệp, giao thông, thông tin liên lạc, dịch vụ, xây dựng và cho bản thân công nghiệp), các công cụ và đồ dùng sinh hoạt trong gia đình... đều do ngành công nghiệp cung cấp.

+ Công nghiệp góp phần thúc đẩy tốc độ tăng trưởng nền kinh tế. Tốc độ tăng trưởng công nghiệp trên thế giới và nhất là ở Việt Nam thường cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế nói chung, như giai đoạn 2000 – 2003, tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới (GDP) là 3,3%/ năm, riêng công nghiệp đạt 3,6%/ năm, còn ở Việt Nam tương ứng là 7,0%/ năm và 12,4%/ năm.

– GV có thể đưa ra những dẫn chứng về các vai trò khác của sản xuất công nghiệp, nhất là ở các nước đang phát triển.

+ Công nghiệp góp phần tạo ra phương pháp tổ chức và quản lí sản xuất tiên tiến, có hiệu quả về mặt kinh tế – xã hội.

+ Công nghiệp với sự hiện diện của mình ở các vùng nông thôn, miền núi đã góp phần rút ngắn khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế giữa các vùng, tạo điều kiện hình thành các đô thị và chuyển hoá chức năng các đô thị, thực hiện công nghiệp hoá nông thôn.

– Trình độ phát triển công nghiệp của một nước biểu thị trình độ phát triển và sự vững mạnh của nền kinh tế nước đó. Ở những nước có nền kinh tế phát triển, tỉ trọng của các ngành công nghiệp và dịch vụ thường chiếm trên 95% GDP như Hoa Kỳ, Nhật, Pháp, Anh, CHLB Đức... Trong khi đó, ở phần lớn các nước đang phát triển tỉ trọng của khu vực nông – lâm – ngư nghiệp chiếm từ 40 – 50% như Ê-ti-ô-pi : 52%, Ghi-nê Bit-xao : 64%, Bu-run-đi : 50%. Ở Việt Nam, tỉ trọng của công nghiệp trong GDP năm 2004 là 41% (kể cả xây dựng).

– Các nước đang phát triển, cần phải thực hiện chuyển dịch từ một nền kinh tế chủ yếu dựa vào nông nghiệp sang một nền kinh tế dựa vào sản xuất công nghiệp để đạt tốc độ tăng trưởng nhanh, đảm bảo sự ổn định về kinh tế – xã hội, giải quyết tốt việc làm và tăng thu nhập. Đó chính là quá trình *công nghiệp hoá*.

– Trong bài này có thuật ngữ "ngành công nghiệp mũi nhọn". Nó được xác định dựa trên một số chỉ tiêu như là ngành có vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân và sản phẩm của nó chi phối nhiều ngành kinh tế khác ; là ngành có vai trò quyết định trong việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế – xã hội của đất nước ; là ngành có tốc độ tăng trưởng vượt trội so với các ngành công nghiệp khác ; khai thác các thế mạnh đặc biệt của đất nước, hướng về xuất khẩu và phù hợp với xu thế tiến bộ khoa học công nghệ của thời đại.

Thí dụ, các ngành công nghiệp mũi nhọn (còn gọi là ngành ưu tiên) của nước ta giai đoạn 2001 – 2010 (theo thứ tự) là : 1) Công nghiệp chế biến nông – lâm – thủy sản ; 2) Ngành khai thác mỏ (dầu, than, quặng kim loại) ; 3) Ngành công nghiệp cơ bản (cơ khí, luyện kim, điện tử – công nghiệp thông tin, hoá chất) ; 4) Công nghiệp dệt – may, da – giày...

b) Đặc điểm

GV cho HS so sánh đặc điểm của sản xuất công nghiệp với đặc điểm của sản xuất nông nghiệp và tìm ra sự khác biệt.

– Tính chất hai giai đoạn của quá trình sản xuất công nghiệp. Do đối tượng lao động của công nghiệp đa phần không phải là sinh vật sống, mà là khoáng sản nằm sâu trong lòng đất, cho nên phải khai thác chúng để tạo ra nguyên liệu, rồi chế biến nguyên liệu, tạo nên sản phẩm.

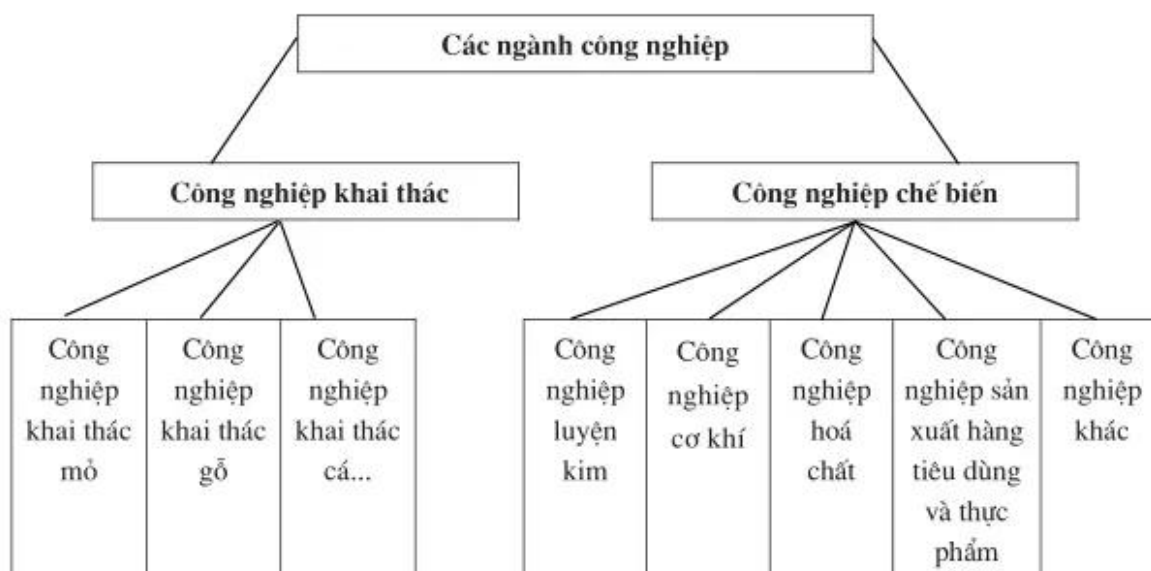
Hai giai đoạn của sản xuất công nghiệp không phải theo trình tự bắt buộc như nông nghiệp, mà có thể tiến hành đồng thời và thậm chí cách xa nhau về mặt không gian.

– Tính chất tập trung cao độ trong sản xuất công nghiệp khác hẳn với tính chất phân tán trong không gian của sản xuất nông nghiệp. Tính chất tập trung

thể hiện rõ rệt ở chỗ trên một diện tích không rộng, có thể xây dựng nhiều xí nghiệp của các ngành công nghiệp khác nhau, với hàng vạn công nhân và tạo ra một khối lượng sản phẩm lớn gấp nhiều lần so với sản xuất nông nghiệp.

– Ở đặc điểm 3, GV nên đưa ra ví dụ cụ thể cho HS phân tích và chứng minh sự phân công tỉ mỉ, sự phối hợp của nhiều ngành để có được một sản phẩm hoàn chỉnh như một cái bút bi, một chiếc xe đạp...

c) Về phân loại ngành công nghiệp, có thể hình thành sơ đồ sau :



1.2. Các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố công nghiệp

GV có thể tham khảo cuốn "Tổ chức lãnh thổ công nghiệp Việt Nam" của các tác giả Lê Thông, Nguyễn Minh Tuệ (Sách bồi dưỡng thường xuyên chu kỳ 1997 – 2000 cho GV THPT, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000).

a) Để phân tích sâu hơn và chứng minh vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên là nhân tố quan trọng cho sự phát triển và phân bố công nghiệp, GV đưa ra những ví dụ cụ thể.

– Vị trí địa lí có tác động rất lớn đến việc lựa chọn các nhà máy, các khu công nghiệp, khu chế xuất ở trên thế giới và Việt Nam. Chẳng hạn khi xem xét 97 địa điểm mà các ngành công nghiệp và các địa phương lựa chọn để xây dựng khu công nghiệp ở nước ta thì cả 97 địa điểm (100%) đều có vị trí địa lí thuận lợi (gần cảng, sân bay, đường quốc lộ, đường sắt, gần trung tâm thành phố...). Cụ thể hơn như khu chế xuất Tân Thuận là một trong các khu chế xuất lớn nhất của thành phố Hồ Chí Minh và Việt Nam, với diện tích 300 ha, nằm ở quận 7,

cách trung tâm thành phố 4 km, sát cảng Bến Nghé và cảng côngtenơ lớn nhất Thành phố Hồ Chí Minh, phía nam khu chế xuất là trung tâm đô thị mới Nam Sài Gòn, cách sân bay Tân Sơn Nhất 13 km, gần tỉnh lộ 15 – thông thương với các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long...

– *Khoáng sản* : cùng với trữ lượng và chất lượng khoáng sản thì sự kết hợp các loại khoáng sản trên lãnh thổ sẽ chi phối quy mô, cơ cấu và tổ chức của các xí nghiệp công nghiệp.

Ví dụ : ngành công nghiệp khai thác và tuyển than của nước ta tập trung ở Quảng Ninh, nơi chiếm tới 94% trữ lượng than cả nước, hay các nhà máy xi măng lớn của nước ta đều được xây dựng ở những nơi có nguồn đá vôi phong phú như Hoàng Thạch (Hải Dương), Bỉm Sơn (Thanh Hoá), Ching Fong (Hải Phòng), Hà Tiên I (Kiên Giang).

– *Nguồn nước* là điều kiện quan trọng cho việc phân bố các xí nghiệp của nhiều ngành công nghiệp (luyện kim đen và màu), dệt, nhuộm, giấy, chế biến thực phẩm...

– *Tính chất đa dạng và phức tạp của khí hậu*, kết hợp với nguồn tài nguyên sinh vật làm xuất hiện các tập đoàn cây trồng, vật nuôi phong phú, là cơ sở để phát triển ngành công nghiệp chế biến thực phẩm.

– *Đối với các nhân tố khác*, GV có thể nói cụ thể hơn những ảnh hưởng của chúng tới sự phát triển và phân bố công nghiệp : đất đai – địa chất công trình để xây dựng nhà máy ; tài nguyên biển (cá, dầu khí, cảng nước sâu...) tác động tới việc hình thành các xí nghiệp chế biến thuỷ sản, khai thác, lọc dầu, xí nghiệp đóng và sửa chữa tàu...

b) *Về các nhân tố kinh tế – xã hội*, GV chỉ nên tập trung phân tích một vài nhân tố tiêu biểu, ví dụ :

– *Dân cư và nguồn lao động*

+ Nơi có nguồn lao động dồi dào cho phép phát triển và phân bố các ngành công nghiệp cần nhiều lao động như dệt – may, giày – da, công nghiệp thực phẩm. Đây là những ngành không đòi hỏi trình độ công nghệ và chuyên môn cao.

+ Nơi có đội ngũ lao động kỹ thuật cao, công nhân lành nghề gắn với các ngành công nghiệp hiện đại, đòi hỏi hàm lượng công nghệ và "chất xám" cao trong sản phẩm như kỹ thuật điện, điện tử – tin học, cơ khí chính xác...

– *Tiến bộ khoa học kỹ thuật*

+ Làm thay đổi việc khai thác, sử dụng tài nguyên và phân bố hợp lý các ngành công nghiệp. Ví dụ phương pháp khí hoá than ngay trong lòng đất

không những làm thay đổi hẳn điều kiện lao động mà còn cho phép khai thác những mỏ than ở sâu trong lòng đất mà trước đây chưa thể khai thác được.

- + Làm thay đổi quy luật phân bố các xí nghiệp công nghiệp. Có rất nhiều dẫn chứng về khía cạnh này, chẳng hạn như các xí nghiệp luyện kim đen trước đây thường gắn với mỏ than và quặng sắt. Nhờ phương pháp điện luyện hay lò thổi ôxi mà sự phân bố của các xí nghiệp luyện kim đã thay đổi.

– *Thị trường* có tác động mạnh mẽ tới quá trình lựa chọn vị trí của xí nghiệp, hướng chuyên môn hoá sản xuất. Sự phát triển công nghiệp ở bất kỳ một quốc gia nào cũng đều nhằm thoả mãn nhu cầu trong nước và hội nhập với thị trường thế giới.

Ví dụ ở nước ta, thời kì 1980 – 1990 do tiếp cận với cơ chế thị trường muộn và không nắm vững nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, nên hầu hết các ngành công nghiệp quốc doanh gặp khó khăn. Hiện nay, một số ngành (dệt may, chế biến thực phẩm, thuỷ – hải sản, da – giày...) nhờ chiến lược thị trường hiệu quả mà có vị trí nhất định ở cả thị trường trong nước lẫn quốc tế như Hoa Kỳ, EU...

2. Phương pháp dạy học

- Đàm thoại gợi mở.
- Sử dụng hình ảnh và đồ dùng dạy học để làm rõ kiến thức trọng tâm.
- Sơ đồ hoá các kiến thức cơ bản.

IV – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Mở bài

GV có thể dựa vào tên bài để định hướng hoạt động nhận thức của HS. Bài học này có hai vấn đề lớn : vai trò, đặc điểm của ngành công nghiệp và các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển, phân bố công nghiệp.

2. Tiến trình dạy học

a) Gợi ý dạy mục I : Vai trò và đặc điểm của công nghiệp

– Ở ý thứ nhất :

- + GV cho HS đưa ra những ví dụ cụ thể ở Việt Nam hay địa phương để làm rõ vai trò của công nghiệp.

+ Nên cho HS liên hệ với bài 39 "Vai trò và đặc điểm của nông nghiệp".

– Ở ý thứ hai :

GV nên cho HS so sánh với các đặc điểm của sản xuất nông nghiệp.

b) Gợi ý dạy mục II : Các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố công nghiệp

– GV có thể phóng to sơ đồ trong SGK.

– Nếu ở địa phương có các nhà máy, khu công nghiệp thì cho HS phân tích các nhân tố tác động đến việc lựa chọn địa điểm.